

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

Sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016 - 2020

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 1827/BNN-TCTS ngày 12/3/2020 về việc báo cáo sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo như sau:

I. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về ban hành các giải pháp, chính sách thực hiện Chương trình

a) Về ban hành giải pháp, chính sách ở cấp Trung ương

- Quyết định số 1434/QĐ - TTg ngày 22/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 572/QĐ - BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 và Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Về ban hành giải pháp, chính sách ở cấp địa phương

- Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.

- Quyết định số 3477/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện Đề án “Thí điểm tổ chức khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ cá ngừ theo chuỗi” tỉnh Bình Định (2015-2017) và Quyết định số 1838/QĐ - UBND ngày 31/5/2016 về việc bổ sung chính sách hỗ trợ thực hiện Đề án “Thí điểm tổ chức khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ cá ngừ theo chuỗi” tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của UBND tỉnh về điều chỉnh Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh Quy hoạch phân khu chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu nuôi trồng thủy sản CNC Cát Thành, Cát Hải (Phù Cát) thành “Quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2000 Vùng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao.

- Quyết định số 3275/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của UBND tỉnh về việc phê

duyet ” Đề án Tăng cường năng lực quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản tỉnh Bình Định, giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030 tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 3388/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc Phê duyệt điều chỉnh dự toán kinh phí thực hiện Dự án chuyển giao công nghệ, ngư cụ của Nhật Bản để khai thác tiêu thụ nội địa và xuất khẩu cá ngừ đại dương tỉnh Bình Định đến tháng 12/2017;

- Quyết định số 1181/QĐ - UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh Bình Định về phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư công trình Trung tâm cá Koi Nhật Bản - Bình Định.

c) Về ban hành các nhóm giải pháp về: cơ chế, chính sách; nguồn lực thực hiện; hợp tác quốc tế; công tác triển khai thực hiện, quản lý, giám sát Chương trình...

- Về cơ chế, chính sách

- + Xây dựng các chính sách khuyến khích đẩy mạnh đầu tư khai thác hải sản xa bờ cho tàu với nghề câu và vây theo quy định của Luật Thủy sản hiện hành; trang bị đồng bộ và hiện đại hóa để nâng cao hiệu quả đánh bắt và đảm bảo an toàn trên biển.

- + Xây dựng cơ chế quản lý, chính sách khuyến khích, kêu gọi đầu tư hạ tầng nghề cá phục vụ dịch vụ hậu cần cho nghề cá xa bờ.

- + Xây dựng chính sách nâng cao năng lực quản lý, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ khai thác cá ngừ; đặc biệt đào tạo lao động trên các tàu khai thác cá ngừ được hiện đại hóa.

- + Xây dựng chính sách hỗ trợ ngư dân trong việc bảo quản sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhiên liệu trong khai thác hải sản tại vùng biển xa bờ.

- + Xây dựng chính sách chuyển đổi nghề, tạo cơ hội việc làm cho các ngư dân nghèo khai thác ở vùng biển ven bờ;

- + Chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế trong, ngoài nước tham gia đầu tư vào lĩnh vực nuôi trồng thủy sản. Xây dựng chính sách đầu tư ưu tiên, trọng điểm về cơ sở hạ tầng vùng nuôi tôm theo Quy phạm VietGAP.

- Về tổ chức sản xuất, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước

- + Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về thủy sản, trước hết phải thông qua việc triển khai thực hiện đúng quy định các nội dung của Luật thủy sản và các văn bản qui phạm pháp luật về thủy sản hướng dẫn đồng bộ, đưa pháp luật đi vào cuộc sống, sản xuất thủy sản;

- + Khuyến khích các mô hình tổ chức liên kết, liên doanh sản xuất, thương mại giữa các lĩnh vực sản xuất thủy sản, giữa các nhà sản xuất nguyên liệu, các nhà chế biến, các nhà thương mại, xuất khẩu, các nhà đầu tư tín dụng...theo chuỗi giá trị ngành hàng với sự tham gia quản lý, tổ chức của các hội, hiệp hội ngành hàng.

- Về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

+ Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về chuyên ngành thủy sản, chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, nghiên cứu khoa học, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến ngư.

+ Xây dựng chính sách cử tuyển đối với đào tạo nghề và các hệ đào tạo khai thác thủy sản. Tuyển chọn con em gia đình ngư dân có truyền thống, đi đào tạo các trường kỹ thuật và trường dạy nghề.

+ Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn cho ngư dân về phương pháp tổ chức sản xuất, quản lý cộng đồng để ngư dân học tập và đúc rút kinh nghiệm.

+ Tăng ngân sách nhà nước cho đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ngành thủy sản. Đẩy mạnh xã hội hoá để tăng cường huy động các nguồn vốn cho phát triển nhân lực.

- Về khoa học, công nghệ và khuyến nông

+ Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các dự án, chương trình ứng dụng công nghệ sử dụng vệ tinh viễn thám, định vị vệ tinh trong công tác quản lý, kiểm soát các hoạt động khai thác thủy sản của tàu cá nhằm chống đánh bắt thủy sản bất hợp pháp, bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sinh trên vùng biển Bình Định và các vùng biển Việt Nam.

+ Nghiên cứu, đánh giá về trữ lượng, khả năng khai thác cho phép của các thủy vực trọng điểm như đầm Đề Gi, đầm Thị Nại, đầm Trà Ổ; trên cơ sở đó lựa chọn giống bố, mẹ và hoàn thiện quy trình sản xuất giống nhân tạo một số loài thủy sản có giá trị kinh tế, loài thủy sản bản địa đặc hữu nhằm bổ sung nguồn giống thủy sản phục vụ công tác tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, phục hồi mật độ quần thể một số giống loài đang bị tập trung khai thác và có nguy cơ tuyệt chủng.

+ Triển khai đề tài nghiên cứu khoa học về các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng nhằm bổ sung thông tin về đặc điểm sinh học, sinh thái, biến động quần thể, đề xuất loại hình bảo vệ thích hợp.

+ Triển khai nhanh, rộng các kết quả nghiên cứu về sản xuất giống; các loại nghề khai thác có chọn lọc, nâng cao hiệu quả nghề khai thác; công nghệ bảo quản sản phẩm sau khai thác; các mô hình tổ chức sản xuất gắn với vai trò tham gia quản lý của cộng đồng để bảo vệ nguồn lợi và tạo sinh kế bền vững.

+ Phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt là sản phẩm có giá trị gia tăng, giảm tối đa tỷ trọng hàng sơ chế, hàng có giá trị gia tăng thấp, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng và nhu cầu của từng thị trường nhập khẩu.

- Về đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển sản xuất

+ Tập trung ưu tiên quy hoạch đầu tư phát triển 4 cảng cá và 6 bến cá đã được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 15/3/2010.

+ Đầu tư nâng cấp, xây dựng các chợ cá bến cá đã được quy hoạch ở các vị trí trọng điểm nghề cá và tại các địa điểm gắn liền với các cảng cá của tỉnh.

+ Đầu tư hạ tầng khu đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và dịch vụ nghề cá ở các địa phương ven biển (TP. Quy Nhơn, huyện Hoài Nhơn, huyện Phù Cát và Phù

Mỹ).

+ Ưu tiên đầu tư cấu kết hạ tầng phát triển sản xuất tại các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung: Vùng tôm theo phương thức thâm canh và bán thâm canh...

- Về hợp tác quốc tế

+ Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, hợp tác quốc tế về điều tra, nghiên cứu bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, quản lý các loài cá di cư, chống đánh bắt bất hợp pháp;

+ Chủ động và tích cực tham gia phối hợp, tạo điều kiện cho các cơ quan nghiên cứu khoa học, các tổ chức quốc tế có liên quan (GEF, FAO, IUCN, WWF, WCPFC...) thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, bảo vệ, bảo tồn một số loài động vật thủy sản có giá trị kinh tế và khoa học như rùa biển, cá ngừ đại dương... trên địa bàn tỉnh. Đồng thời thông qua các tổ chức này để trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm và kêu gọi tài trợ về kinh phí và kỹ thuật cho công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

+ Tiếp thu có chọn lọc và áp dụng các kinh nghiệm, phương pháp quản lý tiên tiến trong lĩnh vực thủy sản từ các tổ chức quốc tế, các nước trong khu vực và trên thế giới. Mở rộng hợp tác quốc tế và khu vực về thương mại và quản lý ngành thủy sản, đảm bảo phát triển ngành đi đôi với các yêu cầu về an ninh quốc phòng và đối ngoại.

+ Thu hút nguồn vốn FDI và ODA cho đầu tư xây dựng. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm thúc đẩy công nghiệp hoá ngành thủy sản. Tăng cường tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư về thủy sản tại các thị trường ngoài nước.

d) Sự phù hợp của các chính sách ban hành đối với các mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi thực hiện Chương trình được phê duyệt tại Quyết định số 1434/QĐ-TTg ngày 22/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ

- Ngày 22/9/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1434/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020 với mục tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2020 tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản bình quân hằng năm đạt 6,0%; tổng sản lượng thủy sản đạt từ 6,5 đến 7 triệu tấn; giá trị xuất khẩu thủy sản đạt từ 8 đến 9 tỷ USD ; riêng tỉnh Bình Định tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất (GTSX) lĩnh vực thủy sản là 6,05%/năm; các chính sách ban hành phù hợp với nguyện vọng của ngư dân và đã góp phần cải thiện sinh kế và đời sống ngư dân thời gian qua, tạo điều kiện cho kinh tế thủy sản của tỉnh phát triển.

2. Về tổ chức thực hiện Chương trình

a) Phối hợp với các sở, ngành và địa phương hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện Chương trình

- Phối hợp với chính quyền các địa phương, hàng năm tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên sóng truyền thanh hơn 700 lượt về các nội dung thực hiện chương trình, thông qua hoạt động các nhóm đồng quản lý nguồn lợi thủy sản tổ chức tuyên truyền,

thông báo kịp thời những chế độ chính sách ngư dân được hưởng về chương trình, nội dung này được duy trì thường xuyên tại các vùng nước trọng điểm trên đầm Trà Ổ, Đê Gi, Thị Nại với hơn 200 cuộc họp/năm và được tổ chức với 8.000 lượt người tham gia hàng năm.

- Phối hợp cùng lực lượng du kích các địa phương hàng năm chủ động tổ chức hơn 125 đợt tuần tra, phát hiện và xử lý nhiều vụ vi phạm khai thác thủy sản bằng nghề xung điện xiếc máy.

b) Công tác tổ chức phổ biến, hướng dẫn để nâng cao năng lực cho các cơ quan, tổ chức và cán bộ liên quan trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn của Chương trình.

- Các địa phương trong tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở ủy ban nhân dân xã các chính sách và danh sách từng đối tượng thụ hưởng có liên quan đến chương trình theo định kỳ và đúng thời gian quy định, niêm yết công khai nguồn vốn TW, tỉnh hỗ trợ tại địa phương thực hiện chương trình; tổ chức cho nhân dân bàn và quyết định trực tiếp những việc liên quan đến lợi ích chung của cộng đồng, chủ yếu việc huy động đóng góp của nhân dân thực hiện chương trình;

- Cán bộ chính quyền cơ sở đã nhận thức rõ hơn về thực hiện các nội dung của chương trình, từng bước nâng cao ý thức và trách nhiệm phục vụ;

- Phối hợp với UBND các địa phương tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức các cấp tham gia thực hiện hương trình hàng năm; trong những năm qua đã triển khai đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên 1.200 lượt người.

- Đã phối hợp Trường Trung cấp Thủy sản- Bộ Nông nghiệp & PTNT và Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác thủy sản- Trường Đại học Nha Trang tổ chức 14 lớp đào tạo kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm và hướng dẫn vận hành tàu vỏ thép, vỏ vật liệu mới cho 907 học viên;

c) Về việc nghiên cứu, rà soát sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất các chính sách đảm bảo thực hiện các mục tiêu của Chương trình: chỉ tham gia khi có văn bản của TW yêu cầu.

d) Công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình, tình hình báo cáo thực hiện Chương trình

- Công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình: Các nội dung thực hiện thường xuyên được các cơ quan chuyên môn có chức năng kiểm tra, giám sát như kiểm tra, giám sát của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Tài chính, Thanh tra Bộ Nông nghiệp và PTNT, Thanh tra tỉnh, Ban nội chính Tỉnh ủy, Công an tỉnh.... Riêng các nội dung thực hiện chương trình từ vốn đầu tư, UBND tỉnh giao cho UBND các địa phương và BQL đầu tư các dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh thực hiện (có tổng mức đầu tư/công trình trên 15 tỷ đồng);

- Về công tác báo cáo: báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT theo định kỳ và báo cáo theo nhiệm vụ phát sinh khi có yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và PTNT về rà soát kế hoạch đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2018 - 2020.

đ) Công tác quản lý, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình do địa phương quản lý

Công tác quản lý, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các nội dung của chương trình về vốn sự nghiệp đều thực hiện đầy đủ hàng quý và năm do các đơn vị chuyên môn của Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện; riêng các dự án đầu tư UBND tỉnh giao cho UBND các địa phương và BQL đầu tư các dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh thực hiện đều đúng quy trình của Luật Đầu tư công và Luật Xây dựng.

e) Về tổ chức vận hành khai thác, sử dụng và bố trí kinh phí duy tu, bảo dưỡng công trình: thực hiện đầy đủ theo quy định và quy trình (UBND huyện Phù Mỹ và BQL đầu tư các dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh).

3. Về huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện Chương trình

Trong giai đoạn 2016-2020, tổng nguồn vốn đầu tư thực hiện chương: 63,96 tỷ đồng, trong đó:

a) Nguồn vốn NSTW hỗ trợ: 49 đồng.

Ngày 20/4/2017, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 572/QĐ - BKHĐT về việc giao chỉ tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 — 2020 và Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017; trong đó Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020 được phân bổ vốn TW là 49 tỷ đồng, cho 02 công trình thuộc dự án nhóm C là *Xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi tôm công nghệ cao xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ* do UBND huyện Phù Mỹ làm chủ đầu tư với kế hoạch vốn được TW giao là 29 tỷ đồng và công trình *Xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản Hoài Nhơn* do BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh làm chủ đầu tư với kế hoạch vốn được TW giao là 20 tỷ đồng.

b) Nguồn lực từ ngân sách địa phương

Tổng vốn đầu tư thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020 là 15,06 tỷ đồng, trong đó: dự án *Xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi tôm công nghệ cao xã Mỹ Thành*: 01, tỷ đồng; dự án *Trung tâm cá Koi Nhật Bản – Bình Định*: 14,96 tỷ đồng.

c) Nguồn vốn huy động khác: không.

d) Vốn nước ngoài: không.

đ) Đánh giá chung về nhu cầu, khả năng cân đối nguồn lực hàng năm và giai đoạn 2016-2020 so với mục tiêu của Chương trình, khả năng huy động các nguồn lực khác để bổ sung cho Chương trình

- Sau khi tiếp nhận vốn đầu tư từ nguồn vốn TW và Ngân sách tỉnh, các chủ đầu tư đã thực hiện theo quyết định phê duyệt;

- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi tôm công nghệ cao xã Mỹ Thành phục vụ nuôi tôm CNC giai đoạn 1 đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đầu năm 2019; dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản Hoài Nhơn đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng ngày 30/9/2018; dự án Trung tâm cá Koi Nhật Bản – Bình Định hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 20/01/2020. Ba dự án này đã nhận đủ vốn

thực hiện.

4. Về các mục tiêu và kết quả đạt được

a) Đánh giá mục tiêu tổng quát của Chương trình ở địa phương

Nhìn chung, từ năm 2016 đến nay, ngành thủy sản Bình Định đã có bước phát triển vượt bậc, chứng tỏ là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trên tất cả các lĩnh vực từ khai thác, nuôi trồng và chế biến, xuất khẩu. Ngành thủy sản luôn giữ vững nhịp độ tăng trưởng và trở thành thế mạnh của Ngành nông nghiệp và PTNT, đóng vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời góp phần bảo vệ an ninh chủ quyền trên biển. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2016 - 2018 tăng bình quân 6,05 %/năm, trong đó: khai thác thủy sản tăng 9,4%/năm, nuôi trồng thủy sản tăng 7,6%/năm; cá ngừ đại dương tăng bình quân 7,9%/năm, tôm thẻ chân trắng tăng 9,8%/năm.

- Khai thác hải sản xa bờ chiếm tỷ trọng trên 95,0% so với tổng sản lượng khai thác thủy sản. Đây mạnh khai thác hải sản xa bờ giảm khai thác ven bờ hủy hoại nguồn lợi thủy sản, chuyển một bộ phận lao động khai thác hải sản ven bờ sang hoạt động các ngành nghề khác như du lịch, nuôi trồng thủy sản, trong đó chuyển đổi mạnh sang nghề lưới vây và câu để khai thác cá ngừ đại dương, số tàu cá công suất lớn, khai thác xa bờ ngày càng tăng, toàn tỉnh hiện có 3.641 tàu cá có công suất >90 cv đăng ký thường xuyên khai thác hải sản trên các vùng biển xa (Trường Sa, Hoàng Sa và DK1), chiếm 58,2% tổng số tàu cá của tỉnh. Toàn tỉnh có 6.252 tàu cá, tăng 791 chiếc so với năm 2015 (trong tổng sản lượng khai thác thủy sản có gần 90% sản lượng khai thác xa bờ); hiệu quả chính sách khuyến khích khai thác xa bờ theo QĐ 48/2010/QĐ-TTg của Bình Định tăng từ 279 tỷ năm 2013 lên 754,8 tỷ đồng năm 2017. Trong đó hải sản đánh bắt xa bờ có giá trị gia tăng cao nhất chiếm 86,0% tổng giá trị gia tăng lĩnh vực thủy sản. Cá ngừ đại dương có giá trị gia tăng chiếm 9,5% tổng giá trị gia tăng trong khai thác hải sản xa bờ. Trong nuôi trồng, tôm thẻ chân trắng có giá trị gia tăng cao nhất chiếm 84,7% tổng giá trị gia tăng trong nuôi trồng thủy sản và 11,3% tổng giá trị gia tăng lĩnh vực thủy sản.

- Thủy sản là lĩnh vực sản xuất phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Trong khi đó diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp, không tuân theo quy luật, đặc biệt là trong tình hình biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay.

- Cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần nghề cá tỉnh Bình Định tuy đã quy hoạch và đầu tư xây dựng nhưng nhìn chung cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần nghề cá như cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, luồng lạch ra vào trong khai thác thủy sản; cơ sở hạ tầng vùng nuôi chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất.

- Nghề khai thác thủy sản ven bờ hiện nay gặp nhiều khó khăn như: ngư trường khai thác chịu nhiều áp lực từ nước ngoài vì những yêu sách tranh chấp chủ quyền; tàu thuyền nhỏ, công nghệ khai thác và bảo quản lạc hậu nên ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác, đánh bắt. Việc vay vốn để đầu tư đóng tàu có công suất lớn, khai thác xa bờ không thực hiện được.

- Mặc dù là tỉnh có sản lượng khai thác thủy sản cao với nhiều loài có giá trị kinh tế như cá ngừ nhỏ, cá ngừ đại dương, mực... nhưng việc thu mua, chế biến, xuất

khẩu của địa phương còn hạn chế, Nguyên nhân chính là cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần nghề cá yếu kém; việc bảo quản, thu mua, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu thủy sản...vẫn còn tồn tại một số bất cập chưa được giải quyết.

b) Đánh giá mục tiêu cụ thể

- Số dự án hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020 (số dự án đã được đưa vào sử dụng, số dự án đã quyết toán), năng lực tăng thêm

+ Số dự án hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020: 03 dự án;

+ Số dự án đã được đưa vào sử dụng: 03 dự án;

+ Số dự án đã quyết toán hoàn thành: 03 dự án.

- Số dự án hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020, năng lực tăng thêm: 03 dự án, trong đó:

+ Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi tôm công nghệ cao xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ do UBND huyện Phù Mỹ làm chủ đầu tư, chia làm 02 giai đoạn thực hiện; giai đoạn 1 (2015 - 2017), khối lượng thực hiện là 3.383 m đường BTXM; giai đoạn 2 (2018 - 2020), khối lượng thực hiện là 3.305 m đường BTXM.

+ Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản Hoài Nhơn được thực hiện tại xã Hoài Hải, Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn thực hiện cung cấp nguồn nước mặn cho diện tích 30,2 ha ao nuôi tôm với mức đảm bảo cấp nước 90%. Dự án do BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh làm chủ đầu tư.

+ Dự án Trung tâm cá Koi Nhật Bản – Bình Định thực hiện tại xã Mỹ Châu huyện Phù Mỹ, tổng diện tích 0,99 ha, quy mô nuôi cá thương phẩm từ 600 con/năm giai đoạn 2016-2020 đến 1.300 con/năm giai đoạn 2021-2025.

- Số vốn hoàn trả được ứng trước ngân sách trung ương, số nợ đọng xây dựng cơ bản được xử lý trong giai đoạn 2016-2019: không;

- Số dự án dự kiến phải chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025, số vốn dự kiến phải tiếp tục bố trí sau giai đoạn 2020: không.

c) Đánh giá theo đối tượng: Đánh giá sự phù hợp của các dự án đã có trong Chương trình với đối tượng của Chương trình tại Quyết định số 1434/QĐ- TTg ngày 22/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ: phù hợp.

d) Đánh giá sự phù hợp về “ Tiêu chí ưu tiên lựa chọn dự án sử dụng ngân sách Trung ương” và “ Điều kiện bố trí vốn thực hiện dự án” theo hướng dẫn tại văn bản số 82/BNV-TCTS ngày 04/01/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT: phù hợp.

đ) Đánh giá tình hình thực hiện so với ý kiến của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, giám sát Chương trình (nếu có): Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra: các cơ quan thanh tra, kiểm tra, giám sát Chương trình (nếu có): Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra: đánh giá đạt kết quả.

II. BÁO CÁO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kế hoạch đầu tư thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020

a) Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư thực hiện Chương trình

- Tổng hợp vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình tại địa phương trong giai đoạn 2016-2020 (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao tại các Quyết định: số 572/QĐ-BKGDĐT ngày 20/4/2017; số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017) là 49 tỷ đồng.

- Tổng vốn ngân sách địa phương tham gia thực hiện các dự án do Ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư: 0,1 tỷ đồng.

- Kết quả giao vốn, thực hiện, giải ngân từng năm:

- + Tổng số kế hoạch vốn được giao năm từ năm 2015-2020: 55,1 tỷ đồng, bao gồm: Trung ương: 55 tỷ đồng; NSDP: 0,1 tỷ đồng.

- + Kết quả thực hiện giải ngân từ năm 2015-2020: 54,772 tỷ đồng, bao gồm: Trung ương: 54,672 tỷ đồng; NSDP: 0,1 tỷ đồng.

- Số dự án hoàn thành: 02 dự án; công suất tăng thêm là 230,2 ha khu nuôi tôm công nghệ cao và xây dựng đường BTXM dài 3.383 m; cụ thể: Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi tôm công nghệ cao xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ tăng diện tích khu nuôi tôm công nghệ cao tăng 200 ha, XD đường BTXM dài 3.383 m, Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản Hoài Nhơn tăng diện tích khu nuôi tôm công nghệ cao là 30,2 ha ao nuôi tôm với mức đảm bảo cấp nước 90%.

b) Vốn ngân sách địa phương đầu tư thực hiện Chương trình: 14,96 tỷ đồng.

- Tổng vốn ngân sách địa phương đầu tư các dự án thuộc Chương trình: 14,96 tỷ đồng.

- Kết quả giao vốn, thực hiện, giải ngân từng năm:

- + Tổng số kế hoạch vốn được giao năm từ năm 2017-2020: 14,96 tỷ đồng.

- + Kết quả thực hiện giải ngân từ năm 2017-2020: 14,96 tỷ đồng.

- Số dự án hoàn thành: 01 dự án; công suất tăng thêm: quy mô nuôi cá thương phẩm từ 600 con/năm giai đoạn 2016-2020 đến 1.300 con/năm giai đoạn 2021-2025.

c) Vốn huy động hợp pháp khác tham gia thực hiện Chương trình: Không

(Chi tiết: kèm theo biểu số 02, 03)

2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư

a) Phân tích, đánh giá khả năng đáp ứng của kế hoạch được giao so với nhu cầu thực tế tại địa phương.

Việc phân bổ kế hoạch vốn đến địa phương, từng dự án kịp thời theo thời gian phê duyệt tiến độ thực hiện dự án ngay sau khi Chủ đầu tư nhận được quyết định giao vốn của tỉnh và Bộ, tuy nhiên thời gian thông báo vốn từ Trung ương về địa phương còn chậm so với kế hoạch năm tài chính nên phần nào ảnh hưởng đến tiến độ thi công và giải ngân dự án.

Trong quá trình triển khai đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện theo phân cấp của tỉnh về đầu tư công: bao gồm các thủ tục đầu tư dự án, chương trình,

kế hoạch đầu tư công trung hạn, tình hình phân bổ kế hoạch vốn đầu tư, công tác đề xuất, lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; thủ tục lập, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn... của ngành đều được triển khai thực hiện theo phân cấp đã được UBND tỉnh quy định;

b) Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình

+ Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi tôm công nghệ cao xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ do UBND huyện Phù Mỹ làm chủ đầu tư phục vụ nuôi tôm CNC với quy mô 200 ha, trong đó khối lượng thực hiện chính là xây dựng đường BTXM dài 3.383 m với tổng mức đầu tư: 30,1 tỷ đồng (trong đó NSTW 30 tỷ đồng, NSDP: 0,1 tỷ đồng).

+ Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản Hoài Nhơn được thực hiện tại xã Hoài Hải, Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn thực hiện cung cấp nguồn nước mặn cho diện tích 30,2 ha ao nuôi tôm với mức đảm bảo cấp nước 90%. Dự án do BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư 24,999 tỷ đồng từ nguồn vốn Trung ương.

Hai dự án trên đều phù hợp về mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ thuộc chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1434/QĐ-TTg ngày 22/9/2017.

+ Dự án Trung tâm cá Koi Nhật Bản – Bình Định thực hiện tại xã Mỹ Châu huyện Phù Mỹ, tổng diện tích 0,99 ha, quy mô nuôi cá thương phẩm từ 600 con/năm giai đoạn 2016-2020 đến 1.300 con/năm giai đoạn 2021-2025. Tổng mức đầu tư dự án : 14,96 tỷ đồng từ nguồn ngân sách địa phương.

(Chi tiết: kèm theo phụ lục số 03)

c) Những tồn tại hạn chế trong quản lý dự án, các khó khăn về kỹ thuật trong triển khai dự án, các vướng mắc về quy trình thủ tục trong quản lý đầu tư, năng lực nhà thầu thi công: *không*.

3. Nhu cầu, kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025

a) Cơ sở đề xuất

- Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của ngành tại địa phương giai đoạn 2021-2025; quy hoạch lĩnh vực thủy sản giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt và văn bản cho chủ trương thực hiện dự án của Chính phủ.

- Báo cáo số 87/BC - UBND ngày 23/5/2019 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 và dự kiến nhu cầu đầu tư công trung hạn 05 năm (giai đoạn 2021 - 2025) tỉnh Bình Định; văn bản số 1476/UBND-KT ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh về việc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các công trình thủy lợi, thủy sản đăng ký sử dụng nguồn vốn của Bộ Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2021-2025.

b) Định hướng và mục tiêu ưu tiên đầu tư công của địa phương

- Hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng cảng cá để đạt tiêu chuẩn cảng cá loại I, hình thành

khu dịch vụ hậu cần đáp ứng nhu cầu tàu thuyền khai thác khi bình thường cũng như khi neo đậu trú tránh bão, là tiền đề cho việc phát triển kinh tế biển khu vực Hoài Nhơn và tỉnh Bình Định; Cải tạo và mở rộng khu vực neo đậu đặt cáp vùng, tạo ra khu neo đậu có sức chứa trên 2.000 tàu có công suất từ 400÷1.000 CV tránh trú bão, đảm bảo an toàn cho người và tài sản của ngư dân Bình Định và khu vực miền Trung trong mùa mưa bão, kết hợp phát triển dịch vụ hậu cần phục vụ cho các chuyến đi biển, giúp cho ngư dân an tâm sản xuất trên vùng biển xa; Nâng cao năng lực giám sát và hỗ trợ thiết bị giám sát hành trình tàu cá cho ngư dân; Hỗ trợ năng lực quản lý cho việc xây dựng và phát triển chuỗi cá ngừ đại dương tỉnh Bình Định; Nâng cao năng lực quản lý giám sát môi trường và dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản.

- Xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đầm Đề Gi, huyện Phù Cát đạt quy mô cấp vùng, tạo ra khu neo đậu có sức chứa trên 2.000 tàu có công suất từ 300÷1.000 CV. Bao gồm các hạng mục: Xây dựng kè bảo vệ bờ, chống bồi lấp khu neo đậu, kết hợp bến cập tàu dài 2.500m; Xây dựng kè chắn cát chống sạt lở, bảo vệ luồng vào cửa Đề Gi dài 900m; Nạo vét luồng chạy tàu và khu neo đậu có bề rộng, cao độ đáy đảm bảo cho tàu có công suất 1.000CV (tàu có chiều dài ≥ 15 m) lưu thông và neo đậu; Xây dựng trụ neo tàu đảm bảo cho các tàu có công suất từ tới 1.000CV neo đậu an toàn; Xây dựng hệ thống trụ đèn báo cửa, đèn báo cầu đê, phao báo hiệu luồng và cột báo hiệu nh m đảm bảo an toàn cho tàu khi ra vào khu neo đậu và hệ thống thông tin liên lạc cứu hộ cứu nạn.

- Sửa chữa, nâng cấp cơ sở nuôi trồng thủy sản nhằm hoàn thiện quy trình sinh sản nhân tạo, nâng cao chất lượng con giống có giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện địa phương ... để đưa vào sản xuất, đáp ứng nhu cầu con giống cho người nuôi; Xã hội hóa công tác sản xuất giống đảm bảo phục vụ nhu cầu người nuôi trên địa bàn; rà soát chuyển đổi mô hình quản lý sản xuất giống thủy sản nước ngọt, giống mặn lợ của Trung tâm Giống Thủy sản để nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng sản phẩm.

c) Lựa chọn danh mục và đề xuất bố trí kế hoạch vốn đầu tư trung hạn trong từng ngành, lĩnh vực theo thứ tự ưu tiên

Căn cứ Báo cáo số 87/BC-UBND ngày 23/5/2019 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 và dự kiến nhu cầu đầu tư công trung hạn 05 năm (giai đoạn 2021 - 2025) tỉnh Bình Định.

Ngày 12/3/2020 UBND tỉnh Bình Định có Công văn số 1476/UBND-KT về việc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các công trình thủy lợi, thủy sản đăng ký sử dụng nguồn vốn của Bộ Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

Ưu tiên 1. Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Tam Quan, huyện Hoài Nhơn (ưu tiên 1 thuộc lĩnh vực thủy sản)

- Dự án nhóm: B
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Bình Định.
- Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT Bình Định.

- Địa điểm thực hiện dự án: huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Dự kiến tổng mức đầu tư: 472 tỷ đồng, trong đó vốn Trung ương hỗ trợ 90% (tương đương 425 tỷ đồng), vốn ngân sách tỉnh 10% (tương đương 47 tỷ đồng).

Ưu tiên 2. Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đầm Đề Gi kết hợp cảng cá Đề Gi, huyện Phù Cát (ưu tiên 2 thuộc lĩnh vực thủy sản)

- Dự án nhóm: B
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Bình Định.
- Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT Bình Định.
- Địa điểm thực hiện dự án: huyện Phù cát và Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Dự kiến tổng mức đầu tư: 450 tỷ đồng, trong đó vốn Trung ương hỗ trợ 90% (tương đương 405 tỷ đồng), vốn ngân sách tỉnh 10% (tương đương 45 tỷ đồng).

Ưu tiên 3. Dự án Sửa chữa, nâng cấp Trạm thực nghiệm nuôi trồng thủy sản

- Dự án nhóm: C
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Bình Định.
- Tên chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định.
- Địa điểm thực hiện dự án: huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Dự kiến tổng mức đầu tư: 20 tỷ đồng, trong đó vốn Trung ương: 15 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh: 5 tỷ đồng.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2016-2020

Thời tiết trên địa bàn tỉnh diễn biến bất thường, bão lũ xảy ra liên tục với cường độ ngày càng lớn, thậm chí kéo dài đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công, lũ lụt xói lở, phá hủy nhiều công trình đang thi công dở dang, thậm chí nhiều công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, nhưng chưa quyết toán đã hư hỏng nặng nề;

Vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh còn hạn hẹp, nội dung hoạt động dự án nhiều nên ngân sách tỉnh chưa kịp thời đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án chuyển tiếp, các dự án đã được phê duyệt.

2. Nguyên nhân

Công tác tư vấn xây dựng của một số nhà thầu tư vấn còn nhiều bất cập, năng lực chuyên môn còn hạn chế, hồ sơ dự án thiết kế - dự toán chưa tính đúng, tính đủ, thậm chí một số hạng mục, công việc áp không đúng đơn giá, mã công việc, chưa phản ánh đúng thực tế địa hình, địa chất công trình nên dẫn đến công tác thẩm

định, phê duyệt kéo dài; công tác thẩm định, thẩm tra của một số nhà thầu tư vấn và một số cơ quan chuyên môn chưa có chất lượng, dự báo chưa đầy đủ chuẩn xác dẫn đến chậm tiến độ thực hiện và phê duyệt;

So với phát triển năng lực tàu cá tỉnh Bình Định những năm gần đây, thì sự phát triển cơ sở hạ tầng nghề cá chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế hiện có của địa phương, trong đó có các cảng cá, đặc biệt là cảng cá Tam Quan chưa được đầu tư xây dựng đúng mức, chỉ có Dự án khu neo đậu tránh trú bão Tam Quan được Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư năm 2007 và đưa vào sử dụng năm 2011 với tổng vốn đầu tư là 74,3 tỷ đồng;

Hiện tại khu neo đậu Tam Quan đã quá tải, chỉ có khả năng chứa tối đa là (1000-1200) tàu, nhưng riêng tổng số tàu của huyện Hoài Nhơn đã lên đến 2.400 tàu. Ngoài ra trong những tháng mưa bão, khu neo đậu còn tập trung khoảng (250-300) tàu của huyện Phù Mỹ và tỉnh Quảng Ngãi;

Luồng lạch cửa Tam Quan thường xuyên bị bồi lấp, trong khi đó tàu cá khai thác đánh bắt ở vùng biển xa bờ ngày càng có dung tích, công suất lớn nên việc ra vào cửa Tam Quan rất khó khăn và không đảm bảo an toàn. Mặc dù, hàng năm chính quyền địa phương đã triển khai nhiều phương án, trong đó có nạo vét, khơi thông luồng, nhưng chỉ là giải pháp tạm thời.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Đề xuất quan tâm ưu tiên cân đối tăng nguồn vốn đầu tư tập trung ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, các trang thiết bị đảm bảo an toàn thực phẩm trong sơ chế, bảo quản sản phẩm thủy sản, đầu tư cho công nghiệp sản xuất và chế biến thủy sản.

Tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí để thực hiện các chính đầu tư các vùng, khu Nông nghiệp ứng dụng CNC về lĩnh vực thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Theo quy hoạch đã được phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 thì Khu neo trú đậu tránh trú bão Tam Quan là cấp vùng (quy mô 1.200 tàu/ cỡ tàu 400 CV) kết hợp với cảng cá loại II phục vụ cho cảng cá ngữ chuyên dụng (quy mô 200 lượt tàu ngày/ cỡ tàu 400 CV).

Để đáp ứng nhu cầu phát triển nghề cá của địa phương, UBND tỉnh Bình Định đã có công văn số 539/UBND-KT ngày 30/01/2019 gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị điều chỉnh, bổ sung quy hoạch Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp với cảng cá tại Tam Quan từ cảng cá loại II qua nhóm cảng cá loại I, với quy mô: diện tích vùng nước thuộc cảng 20 ha, diện tích vùng đất thuộc cảng 5 ha, số lượng tàu cập cảng 300 lượt/ ngày và cỡ tàu công suất lớn nhất đến 1000 CV, lượng thủy sản qua cảng là 40.000 tấn/ năm, trong đó cá ngữ là 15.000 tấn/ năm. Do vậy, để thu hút hỗ trợ đầu tư, nguồn vốn từ các chương trình, dự án của trung ương, kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT sớm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để có cơ sở thực hiện.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh Trần Châu;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các sở: NN và PTNT, TC, KH và ĐT;
- BQL DA NN và PTNT;
- Lưu: VT, K13 (17b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

Biểu số 02

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ VỐN HUY ĐỘNG KHÁC

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦY SẢN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo báo cáo số / / của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

Biểu mẫu số 03:

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo báo cáo số / / của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/ điều chỉnh cuối cùng					Quy mô, công suất tăng thêm sau đầu tư
				Số quyết định, ngày, tháng năm ban hành	TMĐT				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
	NSTW	NSDP	Vốn khác						
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11
I	Dự án đầu tư từ NSTW				55,099	54,999	100	-	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi tôm công nghệ cao xã Mỹ Thành	xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ (Giai đoạn 1)	2016-2019	4204/QĐ-UBND . Ngày 20/11/15	30,100	30,000	100	-	Khu nuôi tôm CNC 200 ha. XD đường BTXM dài 3.383 m
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản Hoài Nhơn	xã Hoài Hải, Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn	2015-2018	1729/QĐ-UBND ngày 25/5/2018	24,999	24,999	-	-	Khu nuôi tôm CNC 30,2 ha
II	Dự án đầu tư từ NSDP				14,960	-	14,960	-	
1	Trung tâm cá Koi Nhật Bản - Bình Định	xã Mỹ Châu, huyện Phù Mỹ	2017-2018	QĐ số 4462/QĐ-UBND ngày 17/12/2018	14,960	0	14,960	0	Quy mô cá thương phẩm từ 600 con/năm (gđ: 2016-2020) đến 1.300 con/năm (gđ: 2021-2025)
III	Dự án đầu tư từ vốn huy động khác								
	Dự án...								
	Dự án...								

Biểu mẫu số 04
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦY SẢN BỀN VỮNG
GIẢI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo báo cáo số / / của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Nội dung/chỉ tiêu	Chỉ tiêu kế hoạch		Tình hình đầu tư	Nguồn lực thực hiện (triệu đồng)				
		Thực trạng đến hết 2015	Tăng thêm trong giai đoạn 2016-2020		Số lượng dự án		Tổng nguồn kinh phí	NSTW	NSDP
					Đầu tư trong kỳ	Hoàn thành trong kỳ			
1	Nuôi trồng thủy sản								
1.1	Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh (ha)	4,084.80	-26.7	Kế hoạch đầu tư GD 2016-2020 được giao			640,000	75,000	80,000
1.2	Tổng diện tích vùng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đạt tiêu chuẩn VietGAP hoặc tương đương (ha)	0	+41,36	Tình hình thực hiện:					
	Trong đó:			Thực hiện năm 2016			-	-	-
	- Tôm:		+41,36	Thực hiện năm 2017			-	-	-
	- Cá Tra:			Thực hiện năm 2018			-	-	-
	- Khác:			Dự kiến thực hiện giai đoạn 2019-2020			640,000	75,000	80,000
2	Giống thủy sản								
2.1	Số lượng các trung tâm giống; các vùng sản xuất giống tập trung trên địa bàn tỉnh:	5	-1	Kế hoạch đầu tư GD 2016-2020 được giao			55,000		
2.2	Số lượng con giống các đối tượng chủ lực có chất lượng chủ động cung ứng cho sản xuất hàng năm trên địa bàn (tỷ con)	4.35	2.57	Tình hình thực hiện:					
2.3	Tỷ lệ giống các đối tượng chủ lực có chất lượng chủ động cung ứng cho sản xuất hàng năm trên địa bàn (%)	99.97	0	Thực hiện năm 2016			-	-	-

	Trong đó:			Thực hiện năm 2017			-	-	-
	- Tỷ lệ tôm giống sạch bệnh chủ động cung ứng cho sản xuất hàng năm:	99.97	0	Thực hiện năm 2018			-	-	-
	- Tỷ lệ cá Tra giống sạch bệnh chủ động cung ứng cho sản xuất hàng năm:			Dự kiến thực hiện giai đoạn 2019-2020			55,000		
3	Chương trình đầu tư cảng cá								
3.1	Số lượng cảng cá								
	- Tổng số cảng cá theo quy hoạch được duyệt	4	0						
	- Số lượng cảng cá đã thực hiện đầu tư hoàn thành	3	0						
	Số lượng cảng hiện đang thực hiện đầu tư	-	-						
	Số lượng cảng chưa thực hiện đầu tư	1	-						
3.2	Công suất cảng cá (số lượt ngày/cỡ loại lớn nhất; lượng thủy sản qua cảng T/năm								
	- Tổng công suất cảng cá theo quy hoạch được duyệt	95,500	-						
	- Công suất cảng cá (đã được đầu tư hoàn thành)	75,500	-						
	- Công suất cảng cá (hiện đang thực hiện đầu tư)	20,000	-						
3.3	Lượng tàu khai thác trên địa bàn (chiếc)								
	- Lượng tàu khai thác của địa phương	3000	-						
	- Lượng tàu khai thác của các tỉnh khác	300	-						
3.4	Lượng tàu khai thác xa bờ trên địa bàn được cung cấp bản tin dự báo ngư trường (chiếc)	3300	-						
4	Chương trình đầu tư khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá								
4.1	Số lượng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá								

	- Tổng số Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo quy hoạch được duyệt	2	0						
	- Số lượng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đã được đầu tư hoàn thành	0	-						
	- Số lượng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá hiện đang thực hiện đầu tư	-	-						
	- Số lượng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá chưa thực hiện đầu tư	2	-						
4.2	Công suất Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (số lượng tàu/cỗ tàu)								
	- Tổng công suất Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo quy hoạch được duyệt	3200	-						
	- Công suất Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (đã được đầu tư hoàn thành)	-	-						
	- Công suất Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (hiện đang thực hiện đầu tư)	-	-						
5	Thực hiện Quy hoạch khu bảo tồn								
5.1	Khu bảo tồn biển								
5.2	Khu bảo tồn vùng nước nội địa								

Biểu mẫu 05

DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025
CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC LĨNH VỰC THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo báo cáo số / / của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-TH	Quyết định đầu tư/ điều chỉnh cuối cùng					Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020				Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP		Vốn khác	NSTW	NSDP		Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ													942,000	845,000	97,000	-	
I	DỰ ÁN HOÀN VỐN																	
II	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																	
III	DỰ ÁN TRẢ NỢ XDCB																	
IV	DỰ ÁN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ													942,000	845,000	97,000	-	
1	Dự án chuyển tiếp thực hiện giai đoạn 2021-2025																	
2	Dự án khởi công thực hiện giai đoạn 2021-2025													942,000	845,000	97,000	-	
2.1	Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Tam Quan, huyện Hoài Nhơn	xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn		2021-2025										472,000	425,000	47,000	-	
2.2	Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đầm Đề Gi kết hợp cảng cá Đề Gi, huyện Phù Cát	xã Cát Tiến, huyện Phù Cát		2021-2025										450,000	405,000	45,000	-	
2.3	Sửa chữa, nâng Trạm thực nghiệm nuôi trồng thủy sản	xã Cát Tiến, huyện Phù Cát		2021-2025										20,000	15,000	5,000	-	